TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2025
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển.
2. Ông Phùng Văn Thông.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký tòa án Toà án nhân dân khu vực 10.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Tiến Tuân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay là: Thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay là: Thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2025 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau ngày 21/01/2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường cũ (nay là xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh T ở thôn Vũ Di, xã Vũ Di. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng năm 2023 thì giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Đến năm 2023 do kinh tế khó khăn, chị đi xuất khẩu lao động

nên vợ chồng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Đầu tháng 5 năm 2025 thì chị về nước, tuy nhiên chị không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Yên Thịnh, xã Lương Điền, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Yên Thịnh, xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ) ở từ đó đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình sống ly thân, anh T có đến gặp chị nhưng không phải để hòa giải mà chỉ gây thêm mâu thuẫn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Trung Hiếu, sinh ngày 18/02/2001 và Lê Trung Kiên, sinh ngày 09/11/2003. Hiện cả hai cháu đều đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn với nhau ngày 20/01/2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay là xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh ở thôn Vũ Di, xã Vũ Di. Tình cảm vợ cH thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2023 giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Sau đó chị H đi xuất khẩu lao động, cũng do chị H đi làm ăn xa nên vợ chồng không có cơ hội hàn gắn tình cảm. Đầu tháng 5 năm 2025 thì chị H về nước, tuy nhiên chị H không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Yên Thịnh, xã Lương Điền, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ở từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lê Trung Hiếu, sinh ngày 18/02/2001 và cháu Lê Trung Kiên, sinh ngày 09/11/2003. Hiện hai cháu đều đã thành niên nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết,

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đề nghị hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy

định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.
- Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Lê Văn T, anh T có nơi cư trú tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ). Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T, nhưng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T kết hôn với nhau ngày 20/01/2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không thuộc trường hợp bị đe dọa hay cưỡng ép kết hôn. Quá trình chung sống, do vợ cH bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ cH thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 đến nay.

Đối với anh T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải (bao gồm nội dung hòa giải đoàn tụ vợ cH). Vì vậy nguyện vọng đoàn tụ của anh T là không thật tâm. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung*: Chị H, anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Trung Hiếu, sinh ngày 18/02/2001 và Lê Trung Kiên, sinh ngày 09/11/2003. Hiện cả hai cháu đều đã thành niên chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác:* Do chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002691 ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10-Phú Thọ). Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ (để biết);
- Lưu HSVA; Văn phòng TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang